

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-10-2018
V/v: “Ly hôn giữa chị T và anh T”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hùng.

Ông Bùi Văn Lịch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 107/2018/TLST-HNGĐ ngày 01/8/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T Sinh năm: 1981 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Vũ Văn Toán Sinh năm: 1977 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Xóm 17, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/7/2018 được bổ sung tại bản tự khai ngày 01/8/2018, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày: Chị và anh Vũ Văn T kết hôn với nhau vào ngày 23 tháng 4 năm 2000, quá trình tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường. Đến tháng 12/2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh T mắc vào tệ nạn xã hội là ma túy. Từ năm 2008 cho đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Vũ Thị Phương T sinh ngày 14/08/2001 và Vũ Thị Mai H sinh ngày 12/12/2007. Hiện nay, cháu T đang ở cùng anh T, còn cháu H ở cùng với chị. Nay ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi cháu H, còn cháu T anh T có trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản; công nợ chung: vợ chồng không có. Vì vậy, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Lê Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai ngày 09/10/2018, bị đơn anh Vũ Văn T trình bày: Anh và chị Lê Thị T kết hôn với nhau vào ngày 23/04/2000, quá trình tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng anh sống ly thân 10 năm nay. Nay chị T xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Vũ Thị Phương T sinh ngày 14/08/2001 và Vũ Thị Mai H sinh ngày 12/12/2007. Hiện nay, cháu T đang ở cùng anh, còn cháu H ở cùng với chị T. Nay ly hôn anh đề nghị được tiếp tục nuôi cháu T, còn cháu H chị T có trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản; công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Văn T vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Vũ Văn T có đơn xin giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Anh Vũ Văn T và chị Lê Thị T kết hôn vào ngày 23 tháng 4 năm 2000, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định. Vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3] Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống do vợ chồng không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh T nghiện ma túy. Từ năm 2008 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ; chị T xin ly hôn, anh T đồng ý. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị T và anh T nếu có duy trì thì mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T đối với anh Vũ Văn T.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Vũ Thị Phương T sinh ngày 14/08/2001 và Vũ Thị Mai H sinh ngày 12/12/2007. Hiện nay, cháu T đang ở cùng anh, còn cháu H ở cùng với chị T. Hiện nay, anh T đang bị tạm giam về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy để đảm bảo sự

phát triển toàn diện của con chung nên giao cả hai con chung cho chị T nuôi dưỡng khi ly hôn, chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không đặt ra để xem xét.

[6] Về án phí: chị Lê Thị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi hai con chung là Vũ Thị Phương T sinh ngày 14/08/2001 và Vũ Thị Mai H sinh ngày 12/12/2007 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền thăm nom con chung sau ly hôn, không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0002055 ngày 01/8/2018.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Vũ Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự,
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mạnh Cường

-